

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THU HƯỞNG
(Kèm theo Giấy Ủy nhiệm chi số 20 ngày 5 tháng 2 năm 2021)

Mẫu số 09
Mã hiệu :
Số :

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 9**
2. Mã đơn vị: **1048792**

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **TK : 083 008 410 290 001; tại : Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Lý Thường Kiệt**
I. Nội dung đề nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:											Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương HB	Tiền công lao động thường xuyên theo HB	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Chi công phục vụ ăn sáng T1/2021	Công phục vụ bán trú T1/2021	Chi hỗ trợ phục vụ hoạt động giảng dạy T1/2021	Chi tiền quản lý lớp năng khiếu T1/2021	Tiền khoản				
1	2	3	4	5	6	7	8	9.1	9.2	9.3	9.3	10	11	12			
Tổng số				171.374.320	0	0	0	0	37.314.670	97.707.600	17.064.750	19.287.300	0	0			
1	Đối với công chức, viên chức:			140.051.240	0	0	0	0	30.373.690	76.992.100	15.049.000	17.636.450	0				
2	Trần Thị Kiều Nhung	0102638288	NH Đông Á	5.493.250					897.700	2.507.500	432.500	1.655.550					
3	Nguyễn Thị Sánh	0102648657	NH Đông Á	4.886.525					897.700	2.422.500	390.000	1.176.325					
4	Nguyễn Thị Giang Thanh	0101386717	NH Đông Á	5.133.700					859.500	2.422.500	390.000	1.461.700					
5	Phạm Thị Hồng Vân	0101386707	NH Đông Á	4.793.750					868.000	2.808.000	546.000	571.750					
6	Hoàng Thị Thanh Bút	0107817636	NH Đông Á	4.622.500					720.000	2.698.000	494.000	710.500					
7	Ngô Hoàng Uyên Mí	0107817627	NH Đông Á	4.938.500					1.089.650	2.667.600	546.000	635.250					
8	Dương Thị Ngọc	0107817621	NH Đông Á	2.859.670					676.670	1.600.000	320.000	263.000					
9	Trần Thị Lệ Xuân	0101980518	NH Đông Á	3.121.300					890.100	1.879.200	352.000						
10	Nguyễn Thị Ngọc Thu	0107817785	NH Đông Á	4.761.600					960.000	2.698.000	494.000	609.600					
11	Đoàn Hoài Nam	0108660736	NH Đông Á	3.274.670					754.670	1.837.000	420.000	263.000					
12	Lê Thụy Anh Đào	0109963794	NH Đông Á	4.095.350					840.000	2.343.000	429.000	483.350					
13	Đàm Thị Ngọc Loan	0101198837	NH Đông Á	4.977.500					1.225.000	2.625.000	525.000	602.500					
14	Phan Thị Kim Loan	0107817769	NH Đông Á	3.835.250					945.000	2.100.000	420.000	370.250					
15	Phạm Thị Nguyễn Thủy	0109940965	NH Đông Á	4.761.600					960.000	2.698.000	494.000	609.600					
16	Nguyễn Thị Châu Thanh	0107817652	NH Đông Á	4.599.150					920.700	2.527.200	546.000	605.250					
17	Nguyễn Thị Thu Thủy	0107817761	NH Đông Á	3.757.000					1.032.000	2.175.000	550.000						
18	Trần Thị Bích Trâm	0102552460	NH Đông Á	3.835.250					945.000	2.100.000	420.000	370.250					
19	Trần Thị Kiều	0107817788	NH Đông Á	3.483.000					900.000	2.100.000	483.000						
20	Nguyễn Thị Hộ	0107817287	NH Đông Á	3.538.900					890.100	2.296.800	352.000						
21	Nguyễn Thị Thủy Trang	0107817774	NH Đông Á	3.070.000					1.050.000	1.600.000	420.000						
22	Lê Thị Thu Dung	0103295125	NH Đông Á	3.070.000					1.050.000	1.600.000	420.000						
23	Sư Thị Ngọc Châu	0107817285	NH Đông Á	4.095.350					840.000	2.343.000	429.000	483.350					
24	Phạm Kim Hiền	0108655242	NH Đông Á	4.118.250					900.000	2.100.000	483.000	635.250					
25	Nguyễn Thị Hồng Tâm	0108259456	NH Đông Á	5.299.400					897.700	2.507.500	432.500	1.461.700					
	Trần Thị Hà	0109438625	NH Đông Á	3.429.000					989.000	2.088.000	352.000						

26	Vũ Thị Mỹ Linh	0109943289	NH Đông Á	4.982.250						1.023.000	2.808.000	546.000	605.250			
27	Trần Thị Thanh Thảo	0109953669	NH Đông Á	949.250						247.250	702.000	0	0			
28	Đào Vũ Uyên Duy	0110862343	NH Đông Á	3.757.000						1.032.000	2.175.000	550.000				
29	Hoàng Thị Bạch Ly	0102593937	NH Đông Á	4.977.500						1.225.000	2.625.000	525.000	602.500			
30	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	0104882302	NH Đông Á	4.191.200						686.650	2.386.800	546.000	571.750			
31	Nguyễn Song Hà Ný	0110899069	NH Đông Á	4.085.400						810.000	2.343.000	429.000	503.400			
32	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0110899902	NH Đông Á	4.085.400						810.000	2.343.000	429.000	503.400			
33	Nguyễn Thị Minh Thư	0110891260	NH Đông Á	4.622.500						720.000	2.698.000	494.000	710.500			
34	Nguyễn Kim Quỳnh Như	0101386776	NH Đông Á	4.550.275						821.300	2.167.500	390.000	1.171.475			
II Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP				19.237.193	0	0	0	0		4.340.980	11.602.500	2.015.750	1.277.963	0	0	0
1	Phạm Thanh Phú	0102382400	NH Đông Á	3.661.338						821.300	1.997.500	390.000	452.538			
2	Nguyễn Dương	0108802675	NH Đông Á	3.661.338						821.300	1.997.500	390.000	452.538			
3	Bùi Diễm Tú Minh	0101631076	NH Đông Á	3.614.018						798.380	1.997.500	445.250	372.888			
5	Ôn Thị Thanh Thanh	0102382400	NH Đông Á	4.150.250						950.000	2.805.000	395.250				
6	Mai Thị Nguyệt	0101631076	NH Đông Á	4.150.250						950.000	2.805.000	395.250				
III Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng				12.085.888	0	0	0	0		2.600.000	9.113.000	0	372.888	0	0	0
4	Nguyễn Thị Hồng Gấm	0103641702	NH Đông Á	5.736.000						950.000	4.786.000	0				
1	Lê Thị Yến Trinh	0103641702	NH Đông Á	3.221.000						950.000	2.271.000	0				
2	Ngô Thị Cẩm Linh	0108802675	NH Đông Á	3.128.888						700.000	2.056.000	0	372.888			

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi một triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Tâm

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Hồng Tâm

KHO BẠC NHÀ NƯỚC



Trần Thị Kiều Trinh

Chuyên viên kiểm soát chi / Giao dịch viên

Ngày.....thángnăm
Giám đốc BKNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện